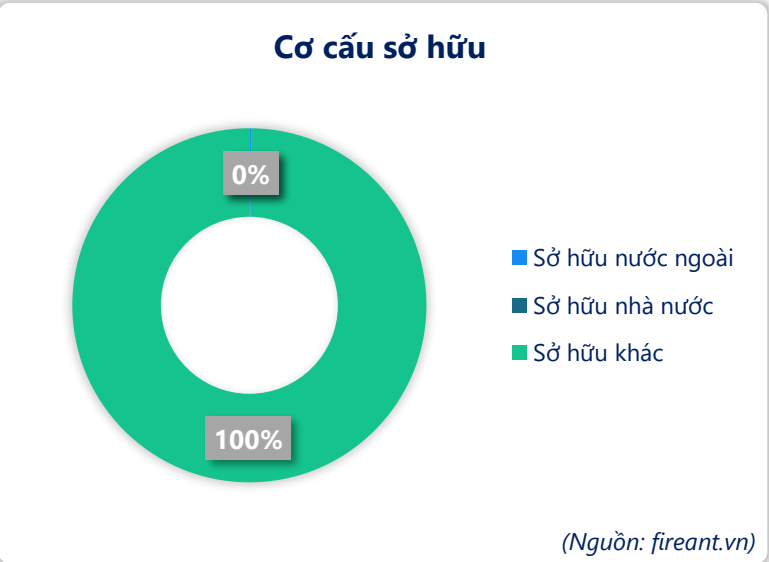
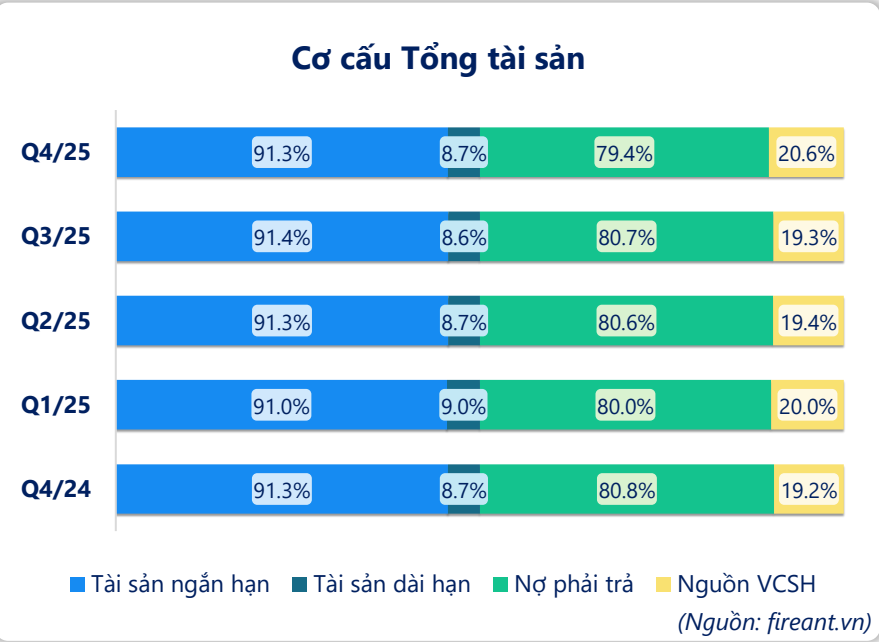
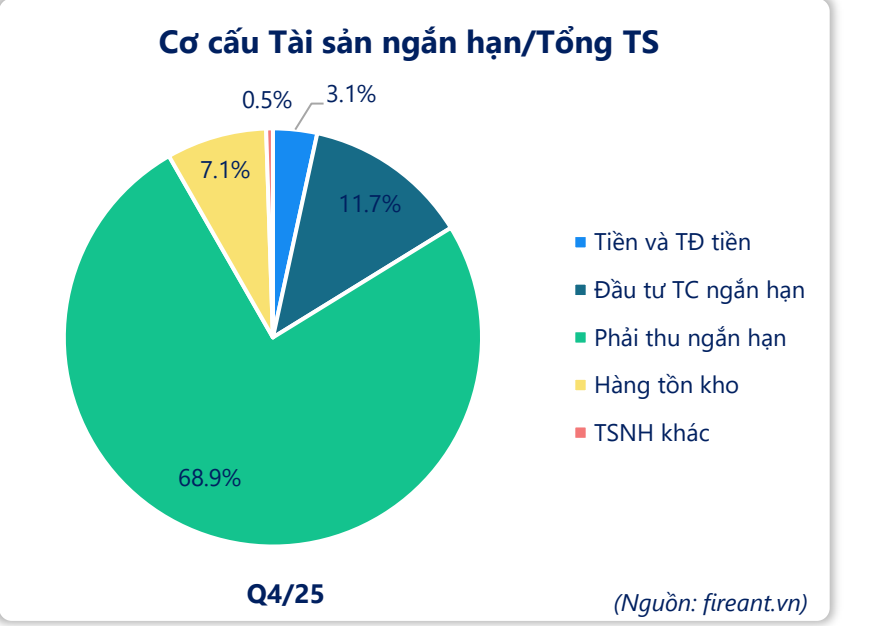
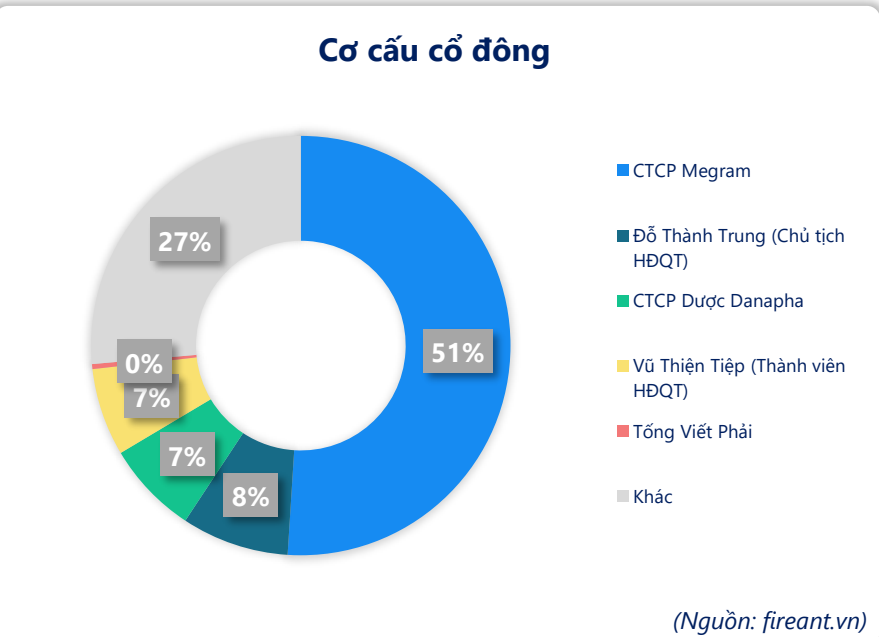
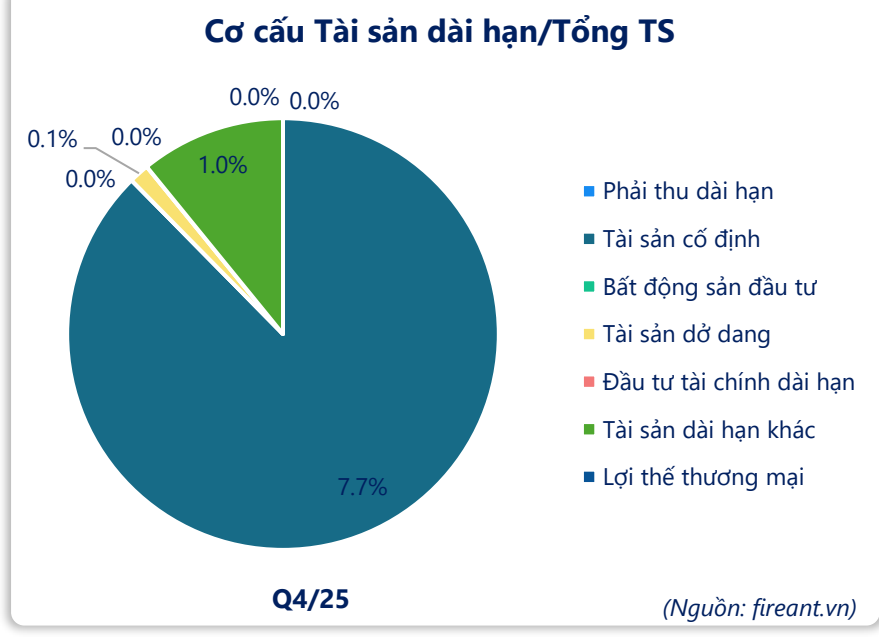
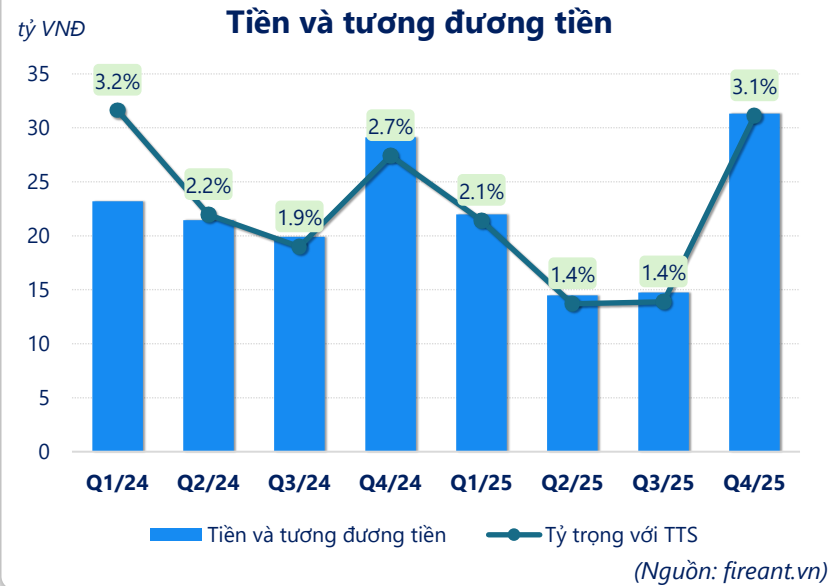
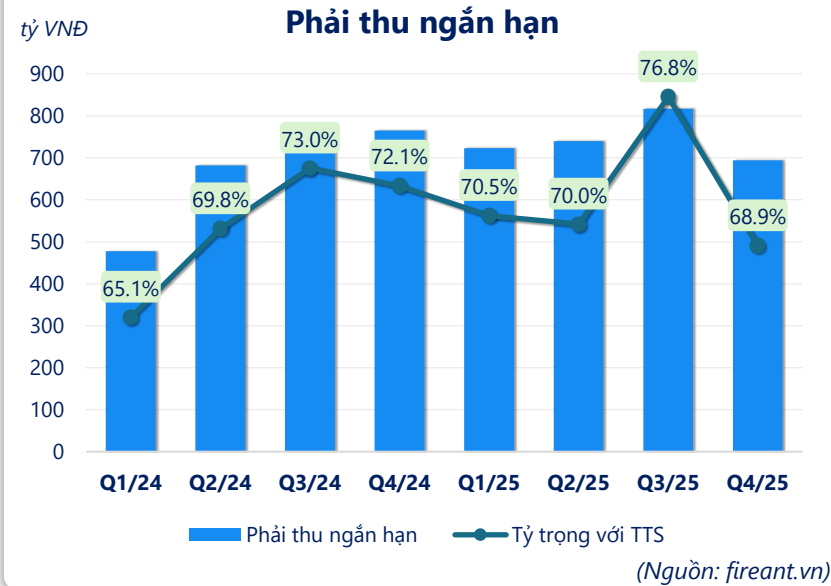
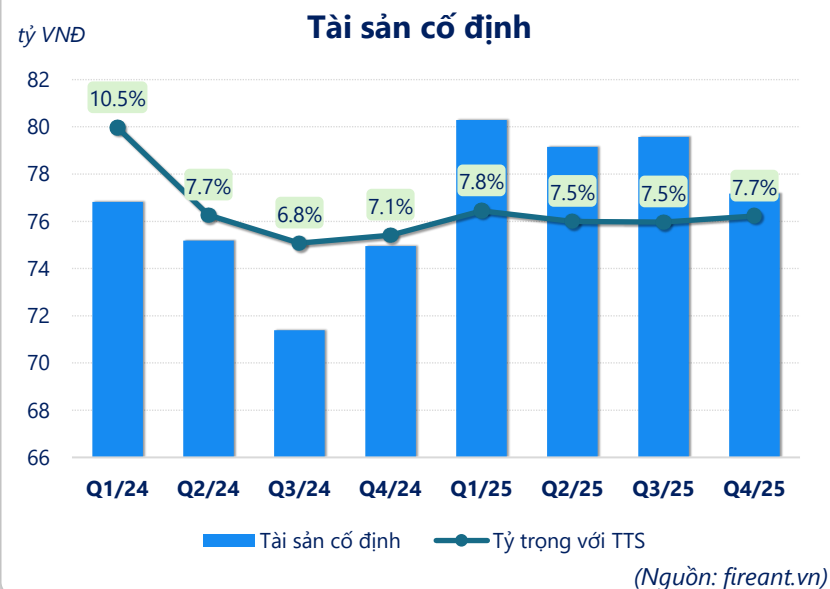
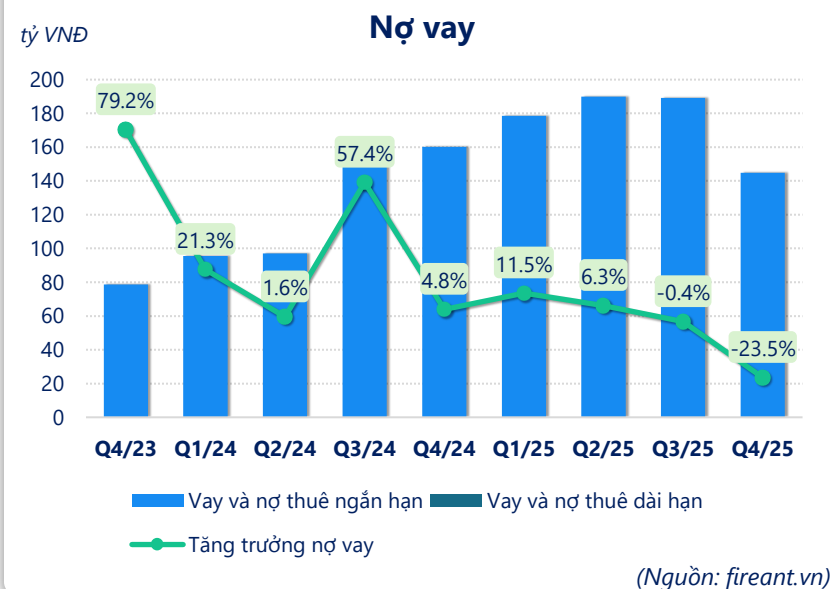
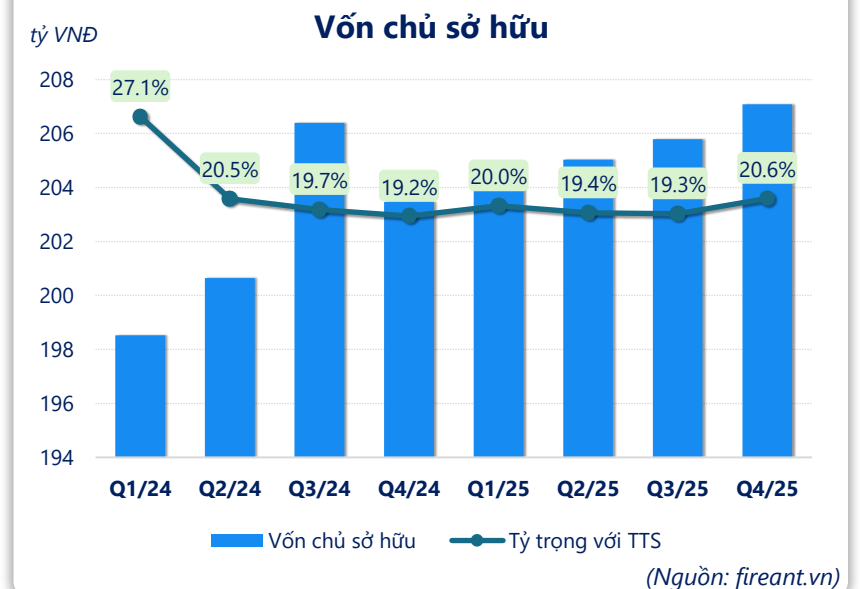
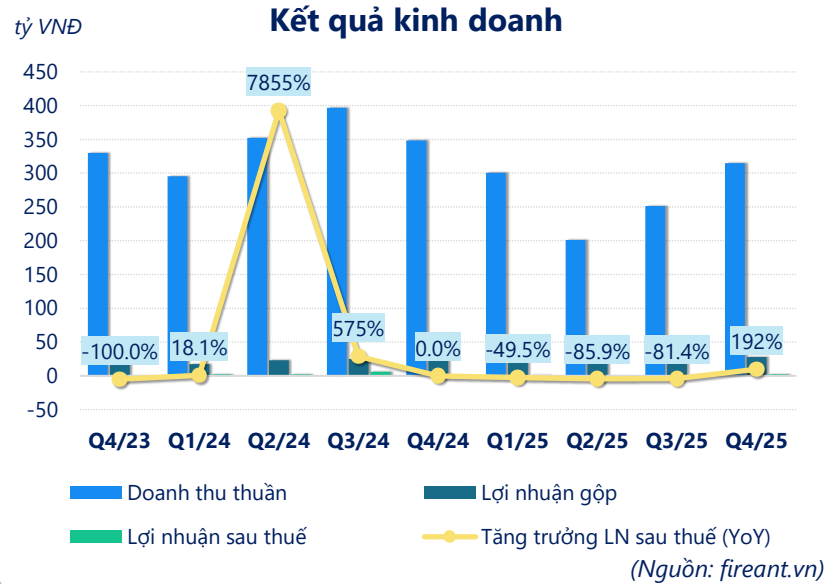
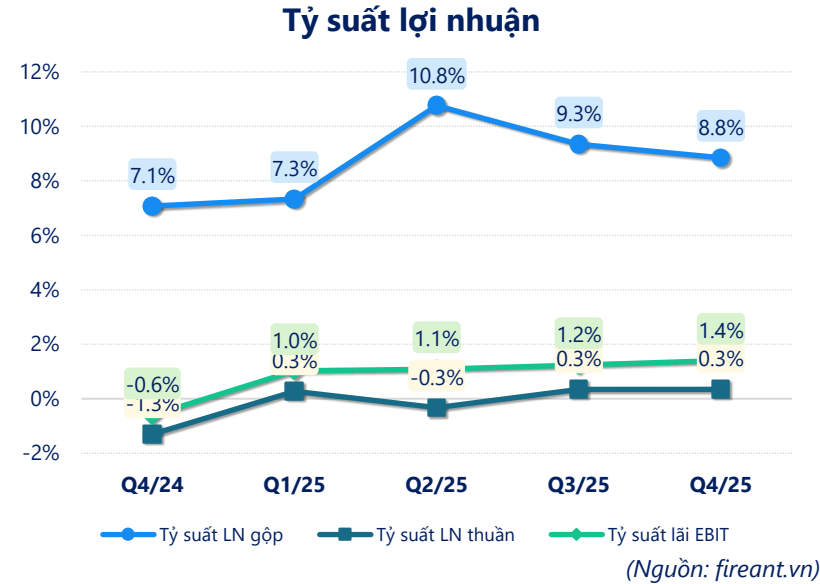
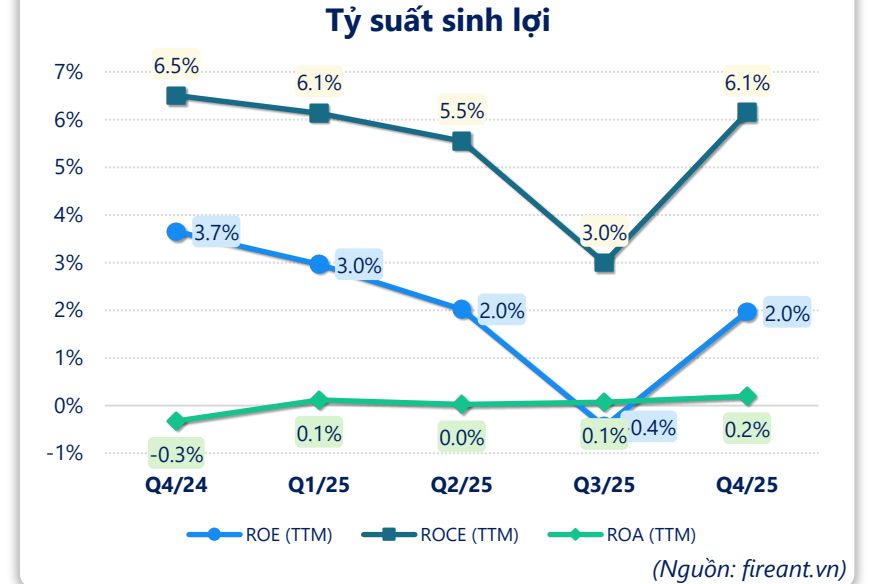
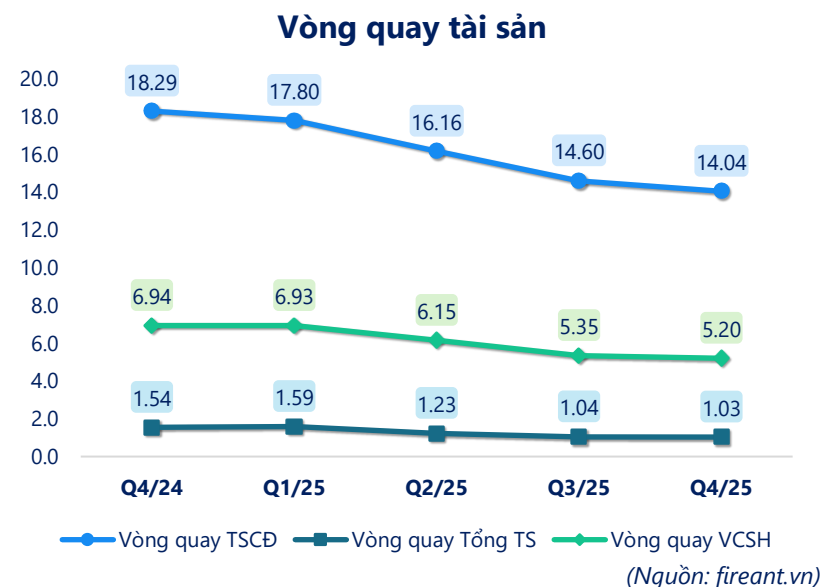
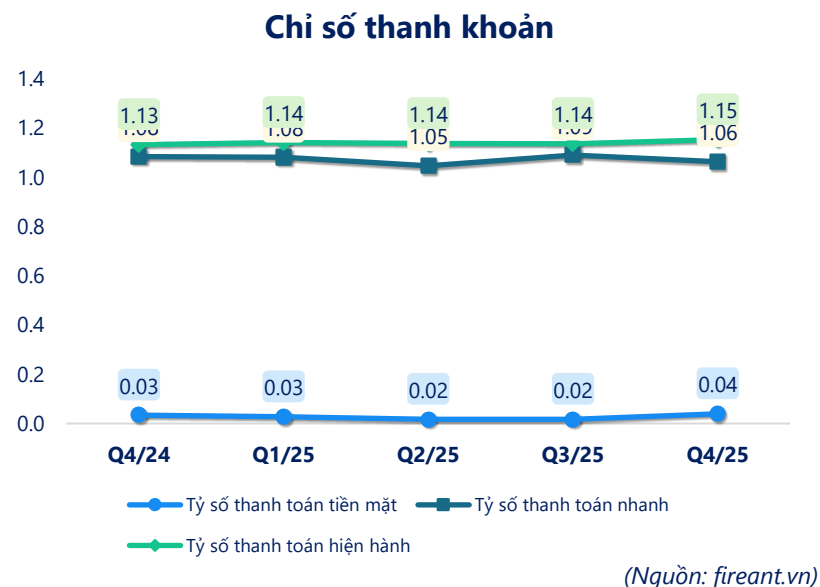
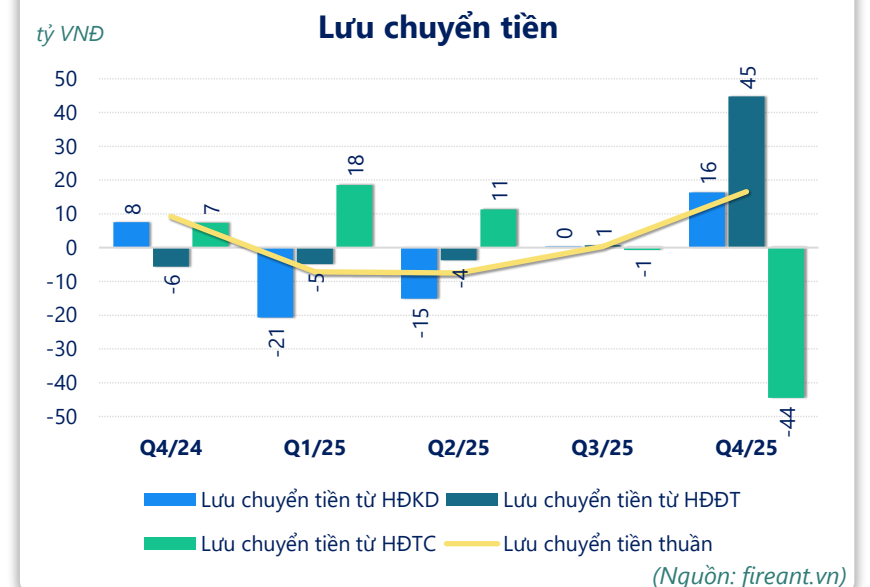


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,700
SL cổ phiếu LH		16,116,383
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,000
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		110
P/E		27.1
EPS		251

	YTD	1T	3T	6T
DDN	-6.7%	-4.2%	6.3%	-1.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,007	1,173	-14.1%
Tài sản ngắn hạn	919	1,080	-14.9%
Tiền và tương đương tiền	31.3	29.1	7.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	118	124	-4.8%
Phải thu ngắn hạn	694	752	-7.7%
Hàng tồn kho	71.3	167	-57.3%
Tài sản ngắn hạn khác	4.79	8.81	-45.7%
Tài sản dài hạn	88.1	92.6	-4.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	77.2	80.7	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.33	1.94	-31.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.58	9.98	-4.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	800	969	-17.5%
Nợ ngắn hạn	797	967	-17.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	145	160	-9.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	593	737	-19.5%
Nợ dài hạn	2.73	2.48	10.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	207	204	1.6%
Vốn chủ sở hữu	207	204	1.6%
Vốn điều lệ	161	153	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	349	301	201	251	315
Giá vốn hàng bán	324	279	180	228	287
Lợi nhuận gộp	24.7	22.0	21.7	23.5	27.9
Doanh thu HĐTC	7.36	7.70	6.76	10.3	7.51
Chi phí TC	6.33	8.78	7.86	8.86	6.37
Chi phí lãi vay	1.48	1.73	1.88	2.09	1.78
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	24.7	17.3	19.4	21.6	23.6
Chi phí QLDN	5.49	2.81	1.83	2.46	4.35
LN thuần từ HĐKD	-4.53	0.83	-0.65	0.87	1.09
Lợi nhuận khác	0.94	0.51	0.96	0.16	1.54
LN trước thuế	-3.60	1.34	0.31	1.03	2.63
Lợi nhuận sau thuế	-2.93	1.04	0.23	0.76	2.01
LNST của CĐ cty mẹ	-2.93	1.04	0.23	0.76	2.01

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.50	-20.7	-15.1	0.35	16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.64	-4.91	-3.73	0.67	44.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.35	18.5	11.3	-0.71	-44.5
Tiền đầu kỳ	19.9	29.1	22.0	14.5	14.8
Lưu chuyển tiền thuần	9.22	-7.15	-7.52	0.30	16.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.01	-0.01	0
Tiền cuối kỳ	29.1	22.0	14.5	14.8	31.3

(Nguồn: fireant.vn)